

Bản án số: 50 /2018/ HN-ST
Ngày: 14-3-2018
“V/v Ly hôn giữa anh Đ và chị D”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH***

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **TRẦN VĂN HÀI**

2. Ông **MÃ THANH TRUNG**

*- Thư ký phiên tòa: Ông **PHẠM MINH TÂN** - Thư ký tòa án.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Không có tham gia.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn: Anh **TRẦN HỮU Đ**, sinh năm 1987.*

Địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn: Chị **TRIỆU THỊ HỒNG D**, sinh năm 1982.*

NKTT: ấp 1, xã G, huyện L, tỉnh Đồng Tháp

Tạm trú: tổ 3, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Anh Đ, chị D xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải anh **Trần Hữu Đ** trình bày: Do quen biết và tìm hiểu nhau trước nên anh và chị D xác lập quan hệ vợ chồng năm 2016, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 1,5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn và cắt đứt quan hệ do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình nên thường hay cãi vã.*

*Con chung: Anh chị có 01 con chung tên **Triệu Ngọc H**, sinh ngày sinh ngày 29/12/2016 hiện do chị D nuôi dưỡng.*

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D. Con chung để chị D nuôi, anh không phải cấp dưỡng.

- **Bị đơn chị Triệu Thị Hồng D tại tờ tự khai, biên bản hòa giải trình bày:** Chị thống nhất với lời trình bày của anh Đ về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Chị cũng đồng ý ly hôn anh Đ. Con chung chị đồng ý nuôi, không cần anh Đ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Ngày 26/01/2018 anh Đ, chị D có đơn xin giải quyết vắng mặt với lý do bận đi làm nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả 02 đương sự.

Về nội dung: Xét thấy, Anh Đ và chị D trước khi xác lập quan hệ vợ chồng đã có thời gian tìm hiểu nhau trước nhưng anh chị chỉ chung sống với nhau được khoảng 1,5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay, anh chị cũng có cuộc sống riêng không ai còn quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án anh chị thống nhất ly hôn nhau. Tuy nhiên, do anh chị chung sống với nhau đủ có đủ điều kiện để thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật nhưng vẫn không thực hiện do đó Hội đồng xét xử căn cứ theo qui định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận anh Đ và chị D là vợ chồng.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Triệu Ngọc H sinh ngày 29/12/2016 hiện do chị D nuôi dưỡng. Tại biên bản hòa giải ngày 26/01/2018 anh Đ và chị D thống nhất con chung giao chị D nuôi. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống con chung, tôn trọng sự thỏa thuận của đương sự. Hội đồng xét xử giao cho chị D quyền nuôi con chung là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không tự nguyện cấp dưỡng. Chị D cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Trần Hữu Đ và chị Triệu Thị Hồng D là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho chị Triệu Thị Hồng D được quyền tiếp tục nuôi cháu Triệu Ngọc H, sinh ngày 29/12/2016. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí:

- Anh Trần Hữu Đ phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST. Anh đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 08054 ngày 02/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

5. Về thời hạn kháng cáo: Anh Đ, chị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Dương sự;*
- *VKSND huyện Cái Bè;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Bè;*
- *Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN TÚ ANH

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 14 tháng 3 năm 2018
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Tú Anh**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hải
Ông Mã Thanh Trung

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 04/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 về “ Tranh chấp xin ly hôn” giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh **TRẦN HỮU ĐÔNG**, sinh năm 1987.
Địa chỉ: ấp 3, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Chị **TRIỆU THỊ HỒNG CÚC**, sinh năm 1982.
NKTT: ấp 1, xã Gáo Giồng, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Tạm trú: tổ 3, ấp An Thạnh, xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
(Anh Đông, chị Cúc xin vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi bàn bạc thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 như sau:

Căn cứ vào Điều 147, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân : Không công nhận anh Trần Hữu Đông và chị Triệu Thị Hồng Cúc là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho chị Triệu Thị Hồng Cúc được quyền tiếp tục nuôi cháu Triệu Ngọc Gia Hân, sinh ngày 29/12/2016. Anh Đông không phải cấp dưỡng nuôi con.
Anh Đông được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí:

- Anh Trần Hữu Đông phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST.
Anh đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 08054 ngày 02/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

5. Về thời hạn kháng cáo: Anh Đông, chị Cúc có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 14 tháng 3 năm 2018

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN VĂN HÀI- MÃ THANH TRUNG

TRẦN TÚ ANH